

THÔNG TƯ

Quy định nội dung và mức chi hoạt động thi kỹ năng nghề

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 95/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính – Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định nội dung và mức chi hoạt động thi kỹ năng nghề.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nội dung chi và mức chi liên quan đến các hoạt động tổ chức, tham dự thi kỹ năng nghề trong nước và quốc tế (sau đây gọi là thi kỹ năng nghề) theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

Trường hợp các kỳ thi, cuộc thi kỹ năng nghề trong nước và quốc tế có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của kỳ thi, cuộc thi đó.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương theo phân cấp ngân sách.

2. Các khoản đóng góp, thu lệ phí từ các tổ chức, cá nhân tham gia kỳ thi, cuộc thi theo quy định, điều lệ của từng kỳ thi, cuộc thi.

3. Các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thi kỹ năng nghề có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan, đúng đối tượng, mục đích, chế độ, định mức chi do cơ quan có thẩm

quyền quy định; chịu sự thanh tra, kiểm toán và giám sát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Ưu tiên sử dụng các khoản đóng góp, thu lệ phí, viện trợ, tài trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác để thực hiện thi kỹ năng nghề phù hợp với quy định của pháp luật, quy định, điều lệ của từng kỳ thi, cuộc thi và thỏa thuận với nhà tài trợ; đồng thời việc cân đối, bố trí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước bảo đảm phù hợp, không trùng lặp với các nội dung đã được viện trợ, tài trợ, đóng góp.

Đối với việc quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện cho ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Nội dung và mức chi chung

1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị, phiên họp nhóm, họp báo; chi đi công tác để triển khai các hoạt động ở trong nước và nước ngoài phục vụ thi kỹ năng nghề:

a) Trong nước: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC (sau đây gọi chung là Thông tư số 40/2017/TT-BTC), Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước (sau đây gọi là Thông tư số 35/2026/TT-BTC);

b) Ngoài nước: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí (sau đây gọi là Thông tư số 140/2025/TT-BTC).

2. Chi phiên dịch, biên dịch tài liệu, đề thi kỹ năng nghề quốc tế: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

3. Chi mua nguyên, nhiên, vật liệu, hàng hoá, dịch vụ liên quan phục vụ thi và huấn luyện đội tuyển quốc gia; chi mua trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong trường hợp cần thiết; thuê địa điểm, mặt bằng tổ chức các hoạt động của thi kỹ năng nghề; thuê máy móc, trang thiết bị, dụng cụ và dịch vụ liên quan khác như vận chuyển, tháo dỡ, bốc dỡ, lắp đặt, khắc phục sự cố, đóng gói, địa điểm tập kết hàng hóa, kiểm định an toàn phục vụ thi kỹ năng nghề (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, giao nhiệm vụ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định có liên quan.

4. Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền; in ấn, nhân bản tài liệu, biểu mẫu; mua sắm văn phòng phẩm, phù hiệu, biển hiệu, hoa cài, băng khen, giấy khen, giấy chứng nhận, khung kính, cờ lưu niệm, in giấy mời, chuyển phát

nhanh và các nội dung liên quan khác (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.

5. Các nội dung phát sinh theo yêu cầu thực tế khác phục vụ thi kỹ năng nghề (nếu có): Nội dung và mức chi thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách.

Điều 5. Nội dung và mức chi thi kỹ năng nghề trong nước

1. Chi xây dựng kế hoạch, quy chế thi kỹ năng nghề

a) Chi xây dựng kế hoạch tổ chức, giám sát, quy chế thi, lập đề cương, chương trình: Tối đa 1.000.000 đồng/kế hoạch, quy chế được duyệt;

b) Chi lấy ý kiến góp ý (không quá 3 ý kiến/kế hoạch, quy chế): Tối đa 500.000 đồng/ý kiến bằng văn bản.

2. Chi ra đề thi

a) Chi xây dựng, biên soạn đề thi được tính theo mô đun, bao gồm cả hướng dẫn đánh giá, chấm điểm và biểu điểm (không quá 5 mô đun/đề thi/ngành): Tối đa 1.000.000 đồng/mô đun/đề thi/ngành;

b) Chi lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia độc lập bằng văn bản cho một đề thi (không quá 03 lần tham gia ý kiến cho mỗi đề thi): Tối đa 500.000 đồng/một văn bản góp ý kiến/đề thi;

c) Chi cho thành viên Hội đồng duyệt đề thi (không quá 3 lần/đề thi): Tối đa 150.000 đồng/người/buổi.

3. Chi thuê vẽ bản vẽ (AutoCAD) minh họa cho các đề thi: Tối đa không quá 1.000.000 đồng/đề thi.

4. Sao in, đóng gói, niêm phong đề thi theo số lượng đề sử dụng: Tối đa 30.000 đồng/đề thi.

5. Chi tiền công chấm thi, xét kết quả thi và tổng hợp báo cáo

a) Chi chấm thi đối với từng nghề (không quá 7 người/Ban giám khảo): Tối đa 35.000 đồng/mô đun/thí sinh/người chấm thi;

b) Chi cho thành viên tham gia xét kết quả thi và xét khen thưởng: Tối đa 100.000 đồng/người/buổi;

c) Chi công tác tổng hợp, báo cáo kết quả kỳ thi: Tối đa 400.000 đồng/ngành.

Điều 6. Nội dung và mức chi đối với thi kỹ năng nghề quốc tế

1. Chi tổ chức huấn luyện đội tuyển quốc gia:

a) Thời gian huấn luyện đội tuyển quốc gia tham dự thi kỹ năng nghề quốc tế do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với từng nghề;

b) Hỗ trợ tiền ăn, ở, chi phí đi lại cho lượt đi và về cho thí sinh, chuyên gia huấn luyện: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 35/2026/TT-BTC;

c) Mức lương cho chuyên gia huấn luyện: Áp dụng quy định mức lương theo ngày hoặc theo giờ quy định tại Điều 3 Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

Trường hợp cần thuê chuyên gia huấn luyện nước ngoài, cấp có thẩm quyền quyết định việc mời chuyên gia huấn luyện nước ngoài. Mức tiền công đối với chuyên gia huấn luyện nước ngoài thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

2. Chi xây dựng đề thi gửi tham gia thi kỹ năng nghề quốc tế: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo tiền công soạn đề thi gửi Ban tổ chức các kỳ thi quốc tế quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông (sau đây gọi là Thông tư số 69/2021/TT-BTC).

3. Chi tham dự thi kỹ năng nghề quốc tế và các hoạt động có liên quan trực tiếp (nếu có): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC;

Trường hợp phát sinh chi phí theo yêu cầu của Ban tổ chức các kỳ thi kỹ năng nghề quốc tế chưa được quy định hoặc cao hơn mức chi đã được quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC thì thực hiện theo hợp đồng, chứng từ hợp pháp, hợp lệ, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tổ chức thực hiện trong phạm vi dự toán của cơ quan, đơn vị.

4. Chi tổ chức họp, tập trung đoàn đi thi trước khi đi không quá 04 ngày: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

5. Chi đồng phục cho đoàn tham dự thi kỹ năng nghề quốc tế: Mức chi thực hiện theo mức chi đồng phục cho các đoàn tham dự kỳ thi quốc tế quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

6. Chi mua bộ bảo hộ lao động cho thí sinh tham dự thi kỹ năng nghề quốc tế: Tối đa 1.000.000 đồng/người.

7. Trường hợp phát sinh cần đồng phục và trang bị bảo hộ lao động riêng theo yêu cầu của Ban tổ chức các kỳ thi kỹ năng nghề quốc tế, cấp có thẩm quyền quyết định thêm mức hỗ trợ phù hợp với yêu cầu thực tế.

8. Một số mức chi khác phát sinh: Thuốc, dụng cụ y tế, quà tặng theo thông lệ của các cuộc thi (nếu có). Mức chi theo thực tế phát sinh do cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2026.
2. Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 03 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, trên cơ sở tham khảo các mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung, mức chi để tổ chức thi kỹ năng nghề tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.
4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN. (M.. bản). *ur*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Bích Ngọc
Nguyễn Thị Bích Ngọc